

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2019 ĐẾN NGÀY 30/06/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số 2 Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Hanel (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Bình	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Vinh	Thành viên
Bà Bùi Thị Hải Yến	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Vinh	Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Minh Trang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11/6/2019)

Người đại diện pháp luật

Theo Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 29 tháng 06 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ông Nguyễn Quốc Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện pháp luật của Công ty nghỉ hưu từ ngày 01/07/2019. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty chưa thực hiện họp Đại hội đồng cổ đông để thay đổi các nội dung liên quan đến việc miễn nhiệm chức vụ của ông Nguyễn Quốc Bình trong Công ty. Công ty đang thực hiện các thủ tục với chủ sở hữu Nhà nước để thay đổi người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và các chức danh quản lý liên quan trước khi được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; Theo đó, người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm ngày 30/06/2019 là Ông Nguyễn Quốc Bình - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 27/6/2017).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Lãnh đạo cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số 2 Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập với mục đích phục vụ công tác bàn giao của Ông Nguyễn Quốc Bình nghỉ hưu theo chế độ. Báo cáo được ký bởi (i) người quản lý điều hành Công ty trong giai đoạn đến thời điểm ngày 30/6/2019 là Ông Nguyễn Quốc Bình và (ii) Ông Nguyễn Đình Vinh - là người được Hội đồng quản trị giao nhiệm vụ ký xác nhận để Báo cáo được đóng dấu Công ty nhằm đảm bảo tính pháp lý đối với Báo cáo được phát hành.

Thay mặt và đại diện cho Ban Lãnh đạo,



Nguyễn Quốc Bình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
(Giai đoạn đến ngày 30/06/2019)

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2019



Nguyễn Đình Vinh
Tổng Giám đốc

Số: 395 /VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hanel

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hanel (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 08 năm 2019, từ trang 06 đến trang 43 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng giữa niên độ").

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán riêng giữa niên độ này, Công ty cũng chưa ký lại các hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng kiểm toán để đánh giá ảnh hưởng của chi phí tiền thuê đất (nếu có chênh lệch tăng/giảm so với thông báo và hợp đồng hiện có) cũng như các vấn đề liên quan đến chi phí sử dụng đất đến các chỉ tiêu báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty.

Công ty chưa ghi nhận đầy đủ chi phí tiền thuê đất năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 tại Khu Công nghiệp Sài Đồng B theo các Thông báo của Chi cục Thuế quận Long Biên số 7004/TB-CCT-TB&TK ngày 25/04/2019 và 22076/TB-CCT-TB&TK ngày 19/12/2018. Tổng số chi phí tiền thuê đất chưa ghi nhận là 17.931.582.459 VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 36 Phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, theo nguyên tắc thận trọng trong ghi nhận doanh thu - thụ nhập khác, Công ty chưa ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ tiền lãi dự thu về chậm thanh toán của đối tác Grupo De La Electronica - Cộng hòa Cuba với số tiền là 15.497.357,32 USD theo Biên bản xác minh công nợ ngày 09/01/2019; Tương ứng Công ty cũng chưa ghi nhận chi phí tài chính (lãi phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam) cho đợt thanh toán từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 6 năm 2019 với số tiền ước tính là 45.179.537.392 VND (tương ứng phần doanh thu lãi chậm trả chưa thu được từ đối tác Cuba).

Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ: Theo Thư xác nhận công nợ ngày 30/06/2019; Số dư công nợ Công ty phải thu đối tác - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G ("N&G") đang chênh lệch với giá trị 22.920.788.809 VND, chênh lệch này chưa được hai bên thống nhất đối chiếu số liệu cuối cùng, Công ty cũng chưa ghi nhận giảm số dư Nợ phải thu.

Tại ngày 30/06/2019, Công ty chưa đánh giá và trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ DTT, Công ty Cổ phần Hanel Telecom, Công ty Cổ phần Đào tạo Công nghệ Thăng Long, Công ty Cổ phần Đầu tư Hanel, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G và Corporacion Cimex S.A, Division de compras, Almacenaje Y Distribucion. Tổng số dự phòng phải thu khó đòi chưa trích lập ước tính là 116.699.447.807 VND.

Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và các Công ty nhận vốn góp đầu tư khác. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn căn cứ vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của các công ty này tuy nhiên chưa đầy đủ, bao gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel, Công ty TNHH ICD Hà Nội, Công ty Cổ phần Truyền hình số Miền Bắc và Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex. Tổng giá trị ước tính cần trích lập bổ sung là 9.393.959.134 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hanel tại ngày 30/06/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 9: Công ty tạm ghi nhận giá trị lợi thế khai thác dự án tại 60 Nguyễn Đức Cảnh vào giá trị vốn Nhà nước khi quyết toán cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hanel theo Chứng thư thẩm định giá số 94/2018/CT-CPAVIETNAM ngày 14/04/2018 với giá trị tạm tính 107.630.761.325 VND. Giá trị lợi thế này có thể thay đổi theo kết quả thẩm định của Sở Tài chính. Tại thời điểm kiểm toán, Công ty chưa có kết quả phê duyệt thẩm định của Sở Tài chính về giá trị lợi thế nêu trên. Công ty có trách nhiệm nộp Nhà nước phần chênh lệch tăng sau khi trừ đi các chi phí liên quan (nếu có).

Như trình bày tại Thuyết minh số 22: Công ty thực hiện tạm phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2019 theo Quyết định số 03b/2019/NQ-HĐQT-HANEL ngày 16/08/2019 của Hội đồng quản trị. Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt vào kỳ đại hội thường niên năm 2019.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 39, theo Thông báo số 815/TB-UBND ngày 12/07/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận đề xuất của Liên ngành về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty và giao các Sở liên quan triển khai thực hiện, phương án cụ thể:

- Cơ sở nhà, đất tại số 409 Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội và số 165 Thái Hà, quận Đống Đa, Hà Nội: Do đang có tranh chấp, Ủy ban nhân dân thành phố chưa xem xét, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất này. Sau khi cơ quan có thẩm quyền xử lý xong tranh chấp, Công ty Cổ phần Hanel có trách nhiệm thực hiện sắp xếp, xử lý cơ sở nhà, đất này theo quy định của pháp luật.
- Cơ sở nhà, đất tại E1 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội: Loại ra khỏi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 24/3/2011 và Quyết định số 5812/QĐ-UBND ngày 30/10/2015. Việc quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất tại E1 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội được thực hiện theo Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội được UBND thành phố phê duyệt.
- Cơ sở nhà, đất tại Lô 2 - E9 - Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội: Không đưa vào phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty. Liên ngành đề nghị UBND thành phố giao Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định giao đất, cho thuê đất đối với ô đất Lô 2, E9 Phạm Hùng, quận Cầu Giấy cho người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Công văn số 11458/-BTC-TCNH ngày 26/10/2017 của Bộ Tài chính gửi Thủ tướng Chính phủ và được chấp thuận "Trường hợp đến hạn trả nợ nhưng Công ty Hanel chưa nhận được tiền từ phía Cuba thanh toán, Công ty Hanel được tạm sử dụng dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản công nợ Cuba để thanh toán nợ vay tín dụng xuất khẩu. Khi phía Cuba trả nợ, Công ty Cổ phần Hanel phải hoàn nhập...". Công ty đang hạch toán sử dụng khoản dự phòng phải thu khó đòi Cuba số tiền 41.907.567.251 VND là số tiền lãi từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 5 năm 2019 Công ty đã thực trả cho Ngân hàng Phát triển nhưng chưa thu được Cuba, tương ứng giảm khoản Phải nộp Ngân sách Nhà nước.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề trên.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019 của Công ty được sử dụng cho mục đích bàn giao số liệu kế toán khi người đại diện pháp luật của Công ty nghỉ hưu mà không được sử dụng cho các mục đích khác.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2019

Đặng Thị Minh Hạnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3290-2015-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		487.331.802.149	635.781.610.379
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	70.229.515.484	166.411.560.699
1. Tiền	111		5.601.696.520	9.673.167.879
2. Các khoản tương đương tiền	112		64.627.818.964	156.738.392.820
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	129.208.351.048	185.201.053.628
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		129.208.351.048	185.201.053.628
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		189.798.772.872	204.756.201.591
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	86.004.816.927	91.820.156.949
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	5.342.649.712	2.806.208.133
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	3.135.000.000	3.135.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	115.384.356.254	106.994.836.509
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(20.068.050.021)	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	56.833.033.970	40.411.706.546
1. Hàng tồn kho	141		56.833.033.970	40.411.706.546
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.262.128.775	39.001.087.915
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	74.686.450	557.877.015
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		40.895.160.838	38.443.210.900
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	292.281.487	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.260.216.427.505	2.277.549.245.408
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		108.630.761.325	112.620.761.325
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	108.630.761.325	112.620.761.325
II. Tài sản cố định	220		45.296.371.765	50.810.961.373
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	45.238.124.636	50.730.513.494
- Nguyên giá	222		167.841.142.866	167.841.142.866
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(122.603.018.230)	(117.110.629.372)
2. Tài sản cố định vô hình	227		58.247.129	80.447.879
- Nguyên giá	228		133.204.500	133.204.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(74.957.371)	(52.756.621)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.015.053.531.647	1.004.874.455.968
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	1.015.053.531.647	1.004.874.455.968
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	1.078.773.851.499	1.090.655.351.046
1. Đầu tư vào công ty con	251		338.528.145.690	338.528.145.690
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		707.291.519.916	707.291.519.916
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		44.835.685.440	44.835.685.440
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.881.499.547)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.461.911.269	18.587.715.696
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	12.461.911.269	18.587.715.696
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.747.548.229.654	2.913.330.855.787

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		769.745.779.854	947.299.254.527
I. Nợ ngắn hạn	310		517.036.422.473	698.335.789.059
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	22.929.793.925	28.222.529.484
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	26.934.187.047	22.140.430.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	431.616.321	28.893.557.505
4. Phải trả người lao động	314		1.107.309.797	1.205.268.155
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	5.775.656.979	10.142.538.097
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	7.868.789.915	3.572.111.285
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	312.358.574.612	470.158.795.512
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	136.944.261.146	128.982.298.339
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.686.232.731	5.018.260.482
II. Nợ dài hạn	330		252.709.357.381	248.963.465.468
1. Phải trả người bán dài hạn	331	16	12.312.043.353	12.103.105.472
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	35.206.265.944	36.881.191.076
3. Phải trả dài hạn khác	337	20	12.961.879.164	1.000.000.000
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	192.229.168.920	198.979.168.920
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.977.802.449.800	1.966.031.601.260
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	1.977.802.449.800	1.966.031.601.260
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.926.000.000.000	1.926.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.926.000.000.000	1.926.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(11.944.000)	(11.944.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.908.493.735	24.874.491.416
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.905.900.065	15.169.053.844
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.126.989.441	7.601.310.792
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.778.910.624	7.567.743.052
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.747.548.229.654	2.913.330.855.787



Nguyễn Quốc Bình
Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Giai đoạn đến ngày 30/06/2019)
Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2019



Nguyễn Đình Vinh
Tổng Giám đốc

Lữ Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán -
Tài vụ

Trần Thu Loan
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	144.600.554.361	98.119.538.321
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.106.400	863.694.540
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	144.596.447.961	97.255.843.781
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	130.703.180.813	88.200.154.616
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		13.893.267.148	9.055.689.165
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	57.533.816.900	59.607.698.855
7. Chi phí tài chính	22	27	13.899.298.258	28.031.881.890
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		246.172.099	23.379.171.742
8. Chi phí bán hàng	25	28	97.809.777	188.791.082
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	43.032.750.324	21.827.536.644
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		14.397.225.689	18.615.178.404
11. Thu nhập khác	31	29	297.450.601	66.998.657.585
12. Chi phí khác	32	30	1.248.001.895	683.023.460
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(950.551.294)	66.315.634.125
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.446.674.395	84.930.812.529
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	15.263.247.704
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(2.473.352.074)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		13.446.674.395	72.140.916.899
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	61	90



Nguyễn Quốc Bình
Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Giai đoạn đến ngày 30/06/2019)
Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2019



Nguyễn Đình Vinh
Tổng Giám đốc

Lữ Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán -
Tài vụ

Trần Thu Loan
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.446.674.395	84.930.812.529
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.514.589.608	5.669.152.544
- Các khoản dự phòng	03	31.949.549.568	725.001.352
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(66.619.954)	1.553.856.340
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(55.186.631.535)	(56.969.387.644)
- Chi phí lãi vay	06	246.172.099	23.379.171.742
- Các khoản điều chỉnh khác	07	484.940.910	5.628.488.134
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.611.324.909)	64.917.094.997
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(1.773.151.208)	93.727.802.659
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(16.421.327.424)	3.807.312.003
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(148.078.977.085)	(21.097.999.706)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	5.798.920.180	3.591.529.078
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(29.605.350.321)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(28.367.896.989)	(9.500.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	22.935.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.591.702.000)	(111.522.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(196.022.524.435)	105.728.866.710
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(10.525.736.137)	(10.044.798.905)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(137.000.000.000)	(140.257.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	193.000.000.000	95.933.444.449
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	53.154.123.453	31.461.059.264
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	98.628.387.316	(22.907.295.192)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(6.000.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	9.906.988.407	30.240.686.665
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.695.025.600)	(85.420.148.210)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.211.962.807	(55.185.461.545)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(96.182.174.312)	27.636.109.973
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	166.411.560.699	106.331.828.356
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	129.097	(1.699.648.834)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	70.229.515.484	132.268.289.495



Nguyễn Quốc Bình
Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Giai đoạn đến ngày 30/06/2019)
Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2019



Nguyễn Đình Vinh
Tổng Giám đốc

[Signature]

Lữ Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán –
Tài vụ

[Signature]

Trần Thu Loan
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hanel (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH MTV Hanel theo Quyết định số 5812 ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hanel.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100102206 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2010; Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 27 tháng 06 năm 2017 (ngày chuyển đổi thành Công ty Cổ phần). Vốn điều lệ của Công ty là 1.926.000.000.000 VND (tương đương với 192.600.000 cổ phần theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phần).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, sản xuất phần mềm, xuất nhập khẩu và ủy thác nhập khẩu cho đơn vị kinh tế khác;
- Bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con của Công ty bao gồm:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty CP HANEL Xốp nhựa	Hà Nội	56,28%	56,28%	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng từ nguyên liệu nhựa
Công ty CP Dịch vụ Khu Công nghiệp Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Quản lý khu công nghiệp
Công ty CP Đầu tư và Đào tạo Dạy nghề Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Đào tạo, dạy nghề
Công ty CP Công nghệ Thông tin Hanel	Hà Nội	66,23%	66,23%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	Hà Nội	65,98%	65,98%	Kinh doanh thương mại
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	Hà Nội	77,76%	77,76%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Truyền thông Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch vụ viễn thông
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Cung cấp phần mềm
Công ty TNHH Dehaco	Hà Nội	90,00%	90,00%	Sản xuất điện tử, điện lạnh
Công ty TNHH ICD Hà Nội	Hà Nội	60,00%	60,00%	Khai thác kho, bãi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Các công ty liên kết, liên doanh của Công ty bao gồm:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	Hà Nội	27,00%	27,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Công nghệ Thẻ NACENCOMM	Hà Nội	20,00%	20,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Biên Bạc	Hà Nội	16,67%	16,67%	Thương mại, dịch vụ, du lịch
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt	Hà Nội	10,21%	10,21%	Xây dựng công trình dân dụng
Công ty CP Hanel Telecom	Hà Nội	48,39%	48,39%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Hanel Mobile	Hà Nội	41,49%	41,49%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Sản xuất, Gia công & XNK Hanel	Hà Nội	20,00%	20,00%	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện tử
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Daeha	Hà Nội	30,00%	30,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF	Hà Nội	25,00%	25,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Tân Tạo - Hanel	Hà Nội	16,62%	16,62%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Truyền hình số Miền Bắc (tên cũ: Công ty CP Truyền dẫn, Phát sóng Truyền hình Đồng bằng Sông Hồng)	Hà Nội	30,00%	30,00%	Công nghệ thông tin, truyền thông
Công ty CP Vé Giao thông Công cộng Hà Nội	Hà Nội	25,00%	25,00%	Vận tải công cộng
Công ty TNHH Hệ thống Dây SUMI-HANEL	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất và tiêu thụ mạng dây điện và điện tử cho CN ô tô
Công ty TNHH Đèn hình ORION Hanel	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	Hà Nội	10,00%	10,00%	Điều hành trung tâm tiếp vận, điều hành kho bãi container, làm thủ tục hải quan, vận tải nội địa...
Công ty TNHH Công nghệ Hanel DTT	Hà Nội	100,00%	100,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được kiểm toán.

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Lãnh đạo, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối năm. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Công ty áp dụng giá trị hợp lý theo chính sách kế toán như sau:

- a) Các Công cụ tài chính không có giá niêm yết trên thị trường Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do Thông tư số 210/2009/TT-BTC, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính riêng của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM: Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư vào các Công ty chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM: Việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có của bên nhận đầu tư nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại bên nhận đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu (Tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty đang áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 28
Máy móc và thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải	07 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất trả trước: Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất tại Khu Công nghiệp Sài Đồng B Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Lợi thế kinh doanh: Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Chi phí hệ thống thoát nước nước thải Khu công nghiệp Sài Đồng B: Các khoản chi phí xây dựng hệ thống thoát nước thải không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 (ba) năm.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được chi trả cho người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Chi phí trợ cấp thôi việc cho nhân viên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ tại thời điểm chi trả, nếu thực hiện trích trước vào chi phí thì số trợ cấp thôi việc phải trả phải trích trước tính đến ngày 30/06/2019 là 1.781.300.875 VND, đối với các cán bộ công nhân viên hiện đang làm việc có thời gian lao động tại Công ty từ ngày 31/12/2008 trở về trước. Công ty đã thực hiện trích trước số tiền Dự phòng trợ cấp thôi việc vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ngày 27/6/2017, tuy nhiên không được cơ quan thuế và Chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm đó là UBND TP. Hà Nội chấp nhận là chi phí hợp lý và không được thực hiện bàn giao sang Công ty Cổ phần.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Lãnh đạo về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Tại ngày 30/06/2019, Công ty còn khoản lỗ lũy kế là 27.519.703.537 VND có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan trong kỳ của Công ty bao gồm:

- Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.852.254.035	2.580.188.228
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.749.442.485	7.092.979.651
Tương đương tiền (i)	64.627.818.964	156.738.392.820
Cộng	70.229.515.484	166.411.560.699

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	<i>129.208.351.048</i>	<i>129.208.351.048</i>	<i>185.201.053.628</i>	<i>185.201.053.628</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	21.708.351.048	21.708.351.048	10.201.053.628	10.201.053.628
- Chứng chỉ tiền gửi (ii)	107.500.000.000	107.500.000.000	175.000.000.000	175.000.000.000

Ghi chú:

- (ii) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng TMCP.
(iii) Các chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính
	Giá gốc VND	Giá trị sổ sách VND	Giá gốc VND	Giá trị sổ sách VND				
b) Đầu tư vào công ty con	270.718.558.500	338.528.145.690	270.718.558.500	338.528.145.690				
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Hanel	5.100.000.000	5.714.681.600	5.100.000.000	5.714.681.600	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Hanel	510.000.000	529.339.257	510.000.000	529.339.257	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khu công nghiệp Hanel	510.000.000	582.759.945	510.000.000	582.759.945	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Hanel Xốp nhựa	33.087.436.000	54.358.998.456	33.087.436.000	54.358.998.456	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel	15.300.000.000	15.559.722.810	15.300.000.000	15.559.722.810	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty CP Đầu tư và Đào tạo Dạy nghề Hanel	510.000.000	107.144.291	510.000.000	107.144.291	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	15.300.000.000	18.881.815.199	15.300.000.000	18.881.815.199	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	11.220.000.000	6.863.221.286	11.220.000.000	6.863.221.286	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	22.950.000.000	26.042.797.263	22.950.000.000	26.042.797.263	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty TNHH ICD Hà Nội	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty TNHH DEHACO	46.231.122.500	89.887.665.583	46.231.122.500	89.887.665.583	(*)	(*)	(*)	(*)
c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	662.612.528.135	707.291.519.916	662.612.528.135	707.291.519.916				
Công ty Cổ phần Biên Bạc	5.000.000.000	5.062.688.948	5.000.000.000	5.062.688.948	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Điện tử Hưng Phát	900.000.000	574.673.406	900.000.000	574.673.406	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Tân Tạo - Hanel	543.645.600	458.689.409	543.645.600	458.689.409	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Vệ Giao thông Công cộng	500.000.000	517.776.481	500.000.000	517.776.481	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty CP Công nghệ Hanel - DTT (tên cũ: Công ty CP Công nghệ Giáo dục Đào tạo Hanel - Ruby)	333.200.000	344.644.154	333.200.000	344.644.154	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty CP Công nghệ Thẻ Nacencomm	5.400.000.000	3.626.660.221	5.400.000.000	3.626.660.221	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty CP Daeha - Khách sạn Hà Nội Daewoo	151.861.443.000	343.526.073.021	151.861.443.000	343.526.073.021	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn (Công ty CP Bất động sản Hanel - Him Lam)	216.000.000.000	216.460.432.601	216.000.000.000	216.460.432.601	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty CP Sản xuất Gia công & XNK Hanel	800.000.000	11.139.488.720	800.000.000	11.139.488.720	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty CP Truyền hình số Miền Bắc (tên cũ: Công ty CP Truyền dẫn, Phát sóng Truyền hình Đồng bằng Sông Hồng)	9.000.000.000	7.007.392.908	9.000.000.000	7.007.392.908	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt (tên cũ: Công ty CP Xây dựng Hanel)	2.400.000.000	1.847.955.809	2.400.000.000	1.847.955.809	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	23.623.899.960	104.787.279.794	23.623.899.960	104.787.279.794	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	5.745.362.358	11.337.764.444	5.745.362.358	11.337.764.444	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty TNHH Trung tâm Dữ liệu Hà Nội - CSF	4.870.000.000	-	4.870.000.000	-	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty TNHH Đèn hình Orion Hanel	232.234.967.217	-	232.234.967.217	-	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Hanel Mobile	1.000.010.000	-	1.000.010.000	-	(*)	(*)	(*)	(*)
Công ty CP Hanel Telecom	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-	(*)	(*)	(*)	(*)

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị sổ sách VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
d) Đầu tư vào đơn vị khác	50.825.140.000	44.835.685.440	1.209.411.820	44.835.685.440
Công ty Cổ phần Đầu tư Hanpad	1.200.000.000	1.831.271.207	-	1.831.271.207
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G	3.000.000.000	3.000.000.000	1.209.411.820	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội	18.000.000.000	3.425.144.017	-	3.425.144.017
Công ty CP Đô thị Sinh thái Văn Nội	21.000.000.000	21.006.080.834	-	21.006.080.834
Công ty CP Tự động hoá và Cơ khí Điện tử Hanel	510.000.000	804.165.656	-	804.165.656
Công ty CP XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	227.500.000	306.974.126	-	306.974.126
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	6.887.640.000	14.462.049.600	-	14.462.049.600
Cộng	984.156.226.635	1.090.655.351.046	11.881.499.547	1.090.655.351.046

Ghi chú:

- (i) Giá gốc khoản đầu tư: Là giá trị đầu tư được ghi nhận theo giá trị trên báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Hanel trước khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá.
- (ii) Giá trị sổ sách: được xác định trên cơ sở giá trị xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần và theo Biên bản bàn giao doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Hanel sang Công ty Cổ phần Hanel tháng 12 năm 2018. Do giá trị đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, công ty khác tại thời điểm chuyển đổi đã được tính ảnh hưởng từ lãi cổ tức dự thu từ trước thời điểm xác định giá trị bàn giao sang Công ty Cổ phần tại ngày 27/6/2017, theo đó các khoản cổ tức thuộc lợi nhuận phát sinh từ trước thời điểm ngày 28/06/2017 nhận về trong kỳ sẽ được bù trừ với phần đã tính ghi nhận vào giá trị ban đầu của các khoản đầu tư (Xác định giá trị doanh nghiệp chuyển giao cổ phần hoá).
- (iii) Giá trị hợp lý: Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và các Công ty nhận vốn góp đầu tư khác. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn căn cứ vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	<i>86.004.816.927</i>	<i>91.820.156.949</i>
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	25.721.462.815	30.506.522.763
Corporacion Cimex S.A, Division de compras, Almacenaje Y Distribucion Cubaelectronica Havana Cuba	23.564.563.106	23.488.482.940
Công ty CP Hanel Mobile	20.736.510.849	-
Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	6.853.319.925	6.853.319.925
Thales Six GTS France SAS	4.074.833.386	4.074.833.386
Công ty CP Viễn Thông Điện Tử Vinacap	1.176.814.416	4.640.592.851
Công ty CP Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí	-	15.534.422.200
Các đối tượng khác	-	4.000.000.000
	3.877.312.430	2.721.982.884
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>33.438.078.750</i>	<i>38.103.689.625</i>
Công ty CP Hanel Xốp nhựa	98.679.000	96.547.500
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	25.721.462.815	30.506.522.763
Công ty CP Hanel Mobile	6.853.319.925	6.853.319.925
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	296.150.000	296.150.000
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	106.401.343	106.401.343
Công ty CP Công nghệ Thông tin Hanel	142.730.542	48.063.459
Các đối tượng liên quan khác	219.335.125	196.684.635

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>5.342.649.712</i>	<i>2.806.208.133</i>
Công ty CP Truyền thông Hanel	3.298.460.000	865.260.000
Các đối tượng khác	2.044.189.712	1.940.948.133
<i>Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>	<i>3.938.180.523</i>	<i>1.504.980.523</i>
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	298.040.041	298.040.041
Công ty CP Truyền thông Hanel	3.298.460.000	865.260.000
Công ty CP Biển Bạc	341.680.482	341.680.482

8. PHẢI THU CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Phải thu cho vay ngắn hạn</i>	<i>3.135.000.000</i>	<i>3.135.000.000</i>
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF	3.135.000.000	3.135.000.000
<i>Trong đó: Phải thu cho vay là bên liên quan</i>	<i>3.135.000.000</i>	<i>3.135.000.000</i>
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF	3.135.000.000	3.135.000.000

Ghi chú:

Khoản phải thu cho vay Công ty TNHH Trung tâm Dữ liệu Hà Nội - CSF đã quá hạn từ lâu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	115.384.356.254	390.450.000	106.994.836.509	-
Tạm ứng	1.526.690.670	-	249.923.661	-
Ký cược, ký quỹ	3.990.000.000	-	-	-
- Công ty CP Công nghệ DTT (i)	3.990.000.000	-	-	-
Phải thu khác	109.867.665.584	390.450.000	106.744.912.848	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển N&G (ii)	102.920.788.809	-	102.920.788.809	-
- Công ty CP Hanel Xốp nhựa	3.784.194.400	-	-	-
- Corporacion Cimex S.A, Division de compras, Almacenaje Y Distribucion	942.582.571	-	724.796.768	-
- Cubaelectronica Havana Cuba	588.624.505	-	-	-
- Công ty TNHH DEHACO	-	-	1.758.983.738	-
- Các đối tượng khác	1.631.475.299	390.450.000	1.340.343.533	-
b) Dài hạn	108.630.761.325	-	112.620.761.325	-
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	4.990.000.000	-
- Công ty CP Công nghệ DTT (i)	-	-	3.990.000.000	-
- Các đối tượng khác	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Phải thu khác	107.630.761.325	-	107.630.761.325	-
- Giá trị lợi thế khai thác dự án tại 60 Nguyễn Đức Cảnh (iii)	107.630.761.325	-	107.630.761.325	-
Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan	4.786.103.983	-	2.869.243.771	-
Công ty TNHH DEHACO	-	-	1.758.983.738	-
Công ty CP Hanel Xốp nhựa	3.784.194.400	-	-	-
Công ty CP Dịch vụ KCN Hanel	445.890.883	-	556.241.333	-
Công ty CP Hanel Mobile	390.450.000	-	390.450.000	-
Công ty CP Hanel Telecom	165.568.700	-	163.568.700	-

Ghi chú:

- (i) Đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ DTT theo Hợp đồng đặt cọc mua cổ phần số 12/HDĐC-CP ngày 22/4/2015, Phụ lục hợp đồng đặt cọc mua cổ phần ngày 01/02/2018 gia hạn thời hạn chuyển quyền sở hữu cổ phần đến ngày 31/12/2019, thời hạn đặt cọc đến hết ngày 31/12/2019.
- (ii) Bao gồm khoản gốc đặt cọc 86.757.000.000 VND và khoản lãi dự thu 16.163.788.809 VND từ các hợp đồng đặt cọc của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G tính đến ngày 27/06/2017. Công ty chưa ghi nhận tăng doanh thu tài chính và phải thu khác từ ngày 28/6/2017 đến ngày 30/6/2019 do chưa chắc chắn về khả năng thu hồi.

Theo Thư xác nhận công nợ ngày 30/6/2019 được ký bởi Hanel và N&G, N&G chỉ xác nhận số tiền gốc đã nhận từ Công ty Cổ phần Hanel là 80.000.000.000 VND, chênh lệch giảm so với số Công ty đang theo dõi là 22.920.788.809 VND. Theo Thư Xác nhận công nợ ngày 30/06/2018 được ký bởi Hanel và N&G, N&G đang nợ Hanel tính đến ngày 30/6/2018 số tiền cả gốc và lãi 128.532.152.849 VND. Từ ngày 30/6/2017 đến ngày 30/6/2019, N&G chưa thanh toán khoản tiền nào cho Hanel. Hiện hai bên vẫn chưa thống nhất được số liệu đối chiếu. Tại ngày 30/06/2019, các khoản công nợ trên đã quá hạn nhưng chưa được Công ty đánh giá và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

- (iii) Giá trị lợi thế khai thác dự án tại 60 Nguyễn Đức Cảnh phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05 - 05/HANEL-HUD3-HTKD ngày 05/05/2016. Giá trị trên được ghi nhận theo Chứng thư thẩm định giá số 94/2018/CT-CPAVIETNAM ngày 14/04/2018 với giá trị tạm tính 107.630.761.325 VND. Giá trị lợi thế này có thể thay đổi theo kết quả phê duyệt thẩm định của Sở Tài chính, Công ty có trách nhiệm nộp Nhà nước phần chênh lệch tăng sau khi trừ đi các chi phí liên quan (nếu có). Tại ngày 30/6/2019, Công ty chưa nhận bàn giao các tài sản từ dự án trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

10. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	36.942.599.231	16.874.549.210	41.726.694.807	41.726.694.807
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF	3.135.000.000	-	3.135.000.000	3.135.000.000
Công ty CP Hanel Mobile	7.243.769.925	-	7.243.769.925	7.243.769.925
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	25.721.462.815	16.702.208.172	30.506.522.763	30.506.522.763
Các đối tượng khác	842.366.491	172.341.038	841.402.119	841.402.119

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	88.880.582	-	88.880.582	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	41.975.513.529	-	40.123.896.106	-
Hàng hóa	14.768.639.859	-	198.929.858	-
Cộng	56.833.033.970	-	40.411.706.546	-

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Giải pháp giao thông thông minh trên nền bản đồ số	31.330.594.926	-	31.298.816.290	-
Dự án Camera giám sát tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ	4.110.679.752	-	4.068.849.344	-
Dự án khác	6.534.238.851	-	4.756.230.472	-
Cộng	41.975.513.529	-	40.123.896.106	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	74.686.450	557.877.015
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	35.993.349	166.509.142
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	15.683.747
Các khoản khác	38.693.101	375.684.126
b) Dài hạn	12.461.911.269	18.587.715.696
Chi phí sửa chữa văn phòng	409.623.412	646.938.169
Chi phí hệ thống thoát nước thải tại KCN SDB	793.281.398	1.745.219.060
Chi phí thuê đất tại KCN SDB (i)	3.829.262.439	3.903.506.001
Chi phí đăng ký bảo hộ nhãn hiệu	106.347.369	219.769.699
Giá trị lợi thế kinh doanh (ii)	6.316.667.183	9.501.541.391
Công cụ dụng cụ xuất dùng	42.580.346	80.913.202
Các chi phí khác	964.149.122	2.489.828.174

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Tiền thuê đất trả một lần cho phần diện tích 45.454,5m² cho thuê lại tại Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Long Biên, Hà Nội.
- (ii) Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thông báo kết quả kiểm toán số 869/TB-KTNN KV1 ngày 30/11/2018 của Kiểm toán Nhà nước

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	28.325.832.586	42.064.403	28.367.896.989	-
Thuế thu nhập cá nhân	565.969.919	1.100.503.514	1.266.775.312	399.698.121
Thuế tài nguyên	-	270.792.000	240.908.800	29.883.200
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.755.000	13.343.000	13.063.000	2.035.000
Cộng	28.893.557.505	1.430.702.917	29.892.644.101	431.616.321
b) Phải thu				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.523.805.565	2.816.087.052	292.281.487
Cộng	-	2.523.805.565	2.816.087.052	292.281.487

Ghi chú:

- (i) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ là khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp theo Kết luận thanh tra thuế số 44581/KL-CT-TKT4 ngày 11/06/2019 của Cục thuế Thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	126.702.984.638	29.312.056.294	10.876.574.181	44.409.091	905.118.662	167.841.142.866
Số dư cuối kỳ	126.702.984.638	29.312.056.294	10.876.574.181	44.409.091	905.118.662	167.841.142.866
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	83.973.453.632	22.639.680.688	9.721.695.220	3.968.035	771.831.797	117.110.629.372
- Khấu hao trong kỳ	3.689.156.328	940.712.560	827.574.152	3.700.758	31.245.060	5.492.388.858
Số dư cuối kỳ	87.662.609.960	23.580.393.248	10.549.269.372	7.668.793	803.076.857	122.603.018.230
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	42.729.531.006	6.672.375.606	1.154.878.961	40.441.056	133.286.865	50.730.513.494
Số dư cuối kỳ	39.040.374.678	5.731.663.046	327.304.809	36.740.298	102.041.805	45.238.124.636

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao và còn sử dụng tại thời điểm ngày 30/06/2019 là 9.985.752.796 VND (Tại thời điểm ngày 31/12/2018: 1.702.836.797 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Dự án khu Công viên Công nghệ phần mềm Hà Nội	961.973.837.943	952.675.899.666
Dự án Phạm Hùng (Tòa tháp TMĐT và VP Hanel) (i)	49.801.109.018	49.801.109.018
Dự án Khu công viên phần mềm Đà Nẵng số 2	-	484.940.910
Chi phí mua sắm TSCĐ	1.006.376.800	196.301.988
Cải tạo nâng công suất Nhà máy nước KCN Sài Đồng B	-	-
Các dự án khác	2.272.207.886	1.716.204.386
Cộng	<u>1.015.053.531.647</u>	<u>1.004.874.455.968</u>

Ghi chú:

- (i) Công ty đã nộp tiền sử dụng đất với tổng số tiền là 38.914.200.000 VND cho diện tích đất tại Lô 2 - E9 - Phạm Hùng - Hà Nội (thuộc Dự án Đầu tư xây dựng trụ sở Công ty). Theo Thông báo số 815/TB-UBND ngày 12/07/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel: Địa điểm đất tại Lô 2 - E9 - Phạm Hùng không đưa vào phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel do không thuộc phạm vi sắp xếp theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP. Công ty sẽ làm việc với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để có phương án xử lý về các chi phí đã phát sinh tại Dự án Phạm Hùng trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	22.929.793.925	22.929.793.925	28.222.529.484	28.222.529.484
Công ty CP Truyền thông Hanel	4.653.540.436	4.653.540.436	12.329.149.020	12.329.149.020
Công ty CP Biển Bạc	7.021.007.135	7.021.007.135	7.021.007.135	7.021.007.135
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Thăng Long	3.256.093.125	3.256.093.125	-	-
Công ty CP Phát triển Công trình Viễn thông	1.255.167.748	1.255.167.748	1.255.167.748	1.255.167.748
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	1.236.100.000	1.236.100.000	1.142.100.000	1.142.100.000
Công ty CP Sông Đà 2	1.091.167.911	1.091.167.911	1.091.167.911	1.091.167.911
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt	713.726.615	713.726.615	-	-
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	-	-	2.739.056.000	2.739.056.000
Các đối tượng khác	3.702.990.955	3.702.990.955	2.644.881.670	2.644.881.670
b) Phải trả người bán dài hạn	12.312.043.353	12.312.043.353	12.103.105.472	12.103.105.472
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Thăng Long	9.953.278.684	9.953.278.684	9.781.905.362	9.781.905.362
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt	2.358.764.669	2.358.764.669	2.321.200.110	2.321.200.110
Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan	16.314.532.277	16.314.532.277	25.552.512.265	25.552.512.265
Công ty CP Biển Bạc	7.021.007.135	7.021.007.135	7.021.007.135	7.021.007.135
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	-	-	2.739.056.000	2.739.056.000
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt (tên cũ: Công ty CP Xây dựng Hanel)	3.072.491.284	3.072.491.284	2.321.200.110	2.321.200.110
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	1.236.100.000	1.236.100.000	1.142.100.000	1.142.100.000
Công ty CP Truyền thông Hanel	4.653.540.436	4.653.540.436	12.329.149.020	12.329.149.020
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh thương mại Hanel	248.912.727	248.912.727	-	-
Các đối tượng khác	82.480.695	82.480.695	-	-

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Người mua trả tiền trước	26.934.187.047	22.140.430.200
Thales Six GTS France SAS	21.603.241.609	22.140.430.200
Công ty Cổ phần Viễn Thông Điện Tử Vinacap	5.321.167.500	-
Các đối tượng khác	9.777.938	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>	5.775.656.979	10.142.538.097
Chi phí dự án Thales	63.450.000	63.450.000
Chi phí lãi vay	3.367.335.425	7.167.932.407
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	1.245.025.454	-
Chi phí thâm định giá	750.000.000	750.000.000
Trích trước chi phí thường xét	-	1.594.231.000
Chi phí phải trả khác	349.846.100	566.924.690
<i>Trong đó: Chi phí phải trả là bên liên quan</i>	4.962.206.979	7.486.751.507
Lãi vay phải trả Công ty TNHH Dehaco	2.823.907.468	6.446.739.655
Lãi vay và tiền thuê kho phải trả Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	1.770.601.357	721.192.752
Chi phí phải trả khác Công ty CP dịch vụ KCN Hanel	349.846.100	318.819.100
Lãi vay phải trả Công ty CP Dịch vụ Điện tử Hanel	17.852.054	-

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh tiền thu trước từ hoạt động cho thuê đất, thuê mặt bằng tại Khu Công nghiệp Sài Đồng - Long Biên.

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<i>a) Phải trả khác ngắn hạn</i>	312.358.574.612	470.158.795.512
Kinh phí công đoàn	140.610.958	96.960.538
Cổ tức phải trả (i)	28.890.000.000	28.890.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (ii)	20.044.566.720	32.025.445.884
Phải trả quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (iii)	255.150.005.828	400.199.521.022
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.133.391.106	8.946.868.068
- Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội (TELECOM)	5.623.279.200	5.623.279.200
- Phải trả lãi cổ đông	1.838.875.096	2.363.279.317
- Các đối tượng khác	671.236.810	960.309.551
<i>b) Phải trả khác dài hạn</i>	12.961.879.164	1.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	1.000.000.000	1.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	11.961.879.164	-
<i>Trong đó: Phải trả khác là bên liên quan</i>	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	1.000.000.000	1.000.000.000

Ghi chú:

- (i) Cổ tức năm 2018 phải trả cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

20. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

(ii) Bao gồm hai khoản chính:

- Khoản đặt cọc của Công ty TNHH Tháp Láng Hạ số tiền 20 tỷ VND theo Thỏa thuận hợp tác số 02/TTHT/HANEL-TLH ngày 29/05/2017 ký giữa Công ty và Công ty TNHH Tháp Láng Hạ về việc “tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn điều lệ của Công ty TNHH ICD Hà Nội để thực hiện dự án điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội tại xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, Hà Nội”. Theo thỏa thuận thì Công ty TNHH Tháp Láng Hạ sẽ thanh toán 40 tỷ VND cho Công ty, trong đó đặt cọc trước 20 tỷ VND, thanh toán cho Công ty 20 tỷ VND còn lại sau khi có văn bản phê duyệt/ chấp thuận của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về đề án tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn điều lệ của Công ty TNHH ICD Hà Nội. Trong trường hợp đề án tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn không được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận hoặc đề án được phê duyệt nhưng tỷ lệ của Công ty TNHH Tháp Láng Hạ thấp hơn 75%, Công ty sẽ phải hoàn trả lại 20 tỷ VND đặt cọc. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản chấp thuận của UBND thành phố Hà Nội về phương án trên.
- Khoản đặt cọc của Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội số tiền 11.906.732.996 VND theo Hợp đồng thuê nhà số 10/HĐ-TN theo đó Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội được quyền thuê nhà với thời hạn thuê là 20 năm từ ngày 02/05/2007.

(iii) Khoản hoàn nhập dự phòng và gốc Cuba phải trả về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

Theo phụ lục trả nợ ký với Grupo De La Electronica ngày 04/7/2012, Grupo De La Electronica thanh toán cho Công ty số tiền gốc và lãi đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tại ngày 30/6/2019, Grupo De La Electronica đã chậm thanh toán từ tháng 8/2018 đến tháng 6/2019 với tổng số tiền là 15.497.357,32 USD. Công ty đang hạch toán sử dụng khoản dự phòng phải thu khó đòi Cuba số tiền 41.907.567.251 VND là số tiền lãi từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 5 năm 2019 Công ty đã thực trả cho Ngân hàng Phát triển nhưng chưa thu được Cuba, tương ứng giảm khoản Phải nộp Ngân sách Nhà nước căn cứ theo Công văn số 11458/BTC-TCNH ngày 26/10/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

MẪU SỐ B09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Công ty TNHH DEHACO - bên liên quan (i)	113.892.400.619	113.892.400.619	6.446.739.655	-	107.445.660.964	107.445.660.964
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel - bên liên quan (i)	22.451.860.527	22.451.860.527	3.460.248.752	1.945.025.600	20.936.637.375	20.936.637.375
Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Hanel - bên liên quan (i)	600.000.000	600.000.000	-	-	600.000.000	600.000.000
Tổng vay và nợ ngắn hạn	136.944.261.146	136.944.261.146	9.906.988.407	1.945.025.600	128.982.298.339	128.982.298.339
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn (Công ty CP Bất động sản Hanel - Hím Lam) - bên liên quan (ii)	192.229.168.920	192.229.168.920	-	6.750.000.000	198.979.168.920	198.979.168.920
Tổng vay và nợ dài hạn	192.229.168.920	192.229.168.920	-	6.750.000.000	198.979.168.920	198.979.168.920

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty không xác định các khoản nợ dài hạn đến hạn trả, các khoản nợ được thanh toán theo thực tế thu tiền gốc của ngân hàng. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng cầm cố, thế chấp từng lần.

Ghi chú:

(i) Vay các Công ty con: Lãi suất 5 - 6%/năm. Mục đích vay vốn: sử dụng để Công ty triển khai các dự án trọng điểm.

(ii) Vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Thạch Bàn theo Hợp đồng số 03/HĐ/ĐTTB ngày 12/6/2017 để bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay 0%/năm, thời hạn vay là 24 tháng kể từ khi nhận tiền theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 01/PLHĐ/ĐTTB ngày 31/7/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2018	1.926.000.000.000	-	7.995.832.984	73.151.804.535	2.007.147.637.519
Mua cổ phiếu quỹ	-	(11.944.000)	-	-	(11.944.000)
Lãi (lỗ) trong kỳ	-	-	-	178.341.517.893	178.341.517.893
Phân phối lợi nhuận	-	-	16.878.658.432	(58.324.451.723)	(41.445.793.291)
Phải nộp Ngân sách	-	-	-	(177.999.816.861)	(177.999.816.861)
Số dư tại ngày 01/01/2019	1.926.000.000.000	(11.944.000)	24.874.491.416	15.169.053.844	1.966.031.601.260
Lãi (lỗ) trong kỳ	-	-	-	13.446.674.395	13.446.674.395
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	4.034.002.319	(5.667.763.771)	(1.633.761.452)
Giảm khác (ii)	-	-	-	(42.064.403)	(42.064.403)
Số dư tại ngày 30/06/2019	1.926.000.000.000	(11.944.000)	28.908.493.735	22.905.900.065	1.977.802.449.800

Ghi chú:

(i) Phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Quyết định số 03b/2019/NQ-HDQT-HANEL ngày 16/8/2019 của Hội đồng quản trị. Công ty sẽ xin phê duyệt chính thức của Đại hội đồng cổ đông trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2020. Chi tiết phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 4.034.002.319 VND.
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.441.925.450 VND.
- Trích quỹ khen thưởng VCQL: 191.836.002 VND.

(ii) Khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp theo Kết luận thanh tra thuế số 44581/KL-CT-TKT4 ngày 11/06/2019 của Cục thuế thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ

Tại ngày 30/06/2019, vốn điều lệ đã được bổ sung theo Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn đầu tư của Nhà nước	1.886.144.000.000	97,93%	1.886.144.000.000	97,93%
Vốn của các cổ đông khác	39.856.000.000	2,07%	39.856.000.000	2,07%
Cộng	1.926.000.000.000	100%	1.926.000.000.000	100%

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Ngoại tệ		
- USD	2.182,32	2.912,69
- EUR	1.226,86	4.807,15
2. Nợ khó đòi đã xử lý	2.427.781.601	2.427.781.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

24. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu dự án	90.000.000	17.676.342.976
- Doanh thu bán hàng hoá	125.572.155.441	63.796.890.069
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.938.398.920	16.646.305.276
	144.600.554.361	98.119.538.321
Các khoản giảm trừ doanh thu	4.106.400	863.694.540
- Giảm giá hàng bán	-	863.694.540
- Hàng bán bị trả lại	4.106.400	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	144.596.447.961	97.255.843.781

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn dự án	85.454.545	16.445.795.221
Giá vốn cung cấp hàng hoá	119.881.723.070	61.762.048.359
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	10.736.003.198	9.267.309.684
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	725.001.352
Cộng	130.703.180.813	88.200.154.616

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi phải thu Cuba	11.712.469.889	33.052.576.621
Cổ tức, lợi nhuận được chia	43.474.161.646	23.218.214.179
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.889.189.265	2.638.311.211
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	66.619.954	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	391.376.146	698.596.844
Cộng	57.533.816.900	59.607.698.855

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	246.172.099	23.379.171.742
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	11.881.499.547	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	1.553.856.340
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.534.393.735	3.098.853.808
Chi phí tài chính khác	237.232.877	-
Cộng	13.899.298.258	28.031.881.890

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.730.777	1.580.000
Các khoản chi phí bán hàng khác	92.079.000	187.211.082
Cộng	97.809.777	188.791.082
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	8.134.342.615	7.924.590.264
Chi phí vật liệu quản lý	339.656.568	319.551.312
Chi phí đồ dùng văn phòng	228.629.095	535.927.964
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.224.397.509	1.227.275.147
Thuế, phí và lệ phí	761.465.272	507.620.249
Chi phí dự phòng	20.068.050.021	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.915.188.923	6.688.016.441
Chi phí bằng tiền khác	3.361.020.321	4.624.555.267
Cộng	43.032.750.324	21.827.536.644

29. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Khoản thu từ CUBA (i)	-	66.998.324.575
Thu nhập khác	297.450.601	333.010
Cộng	297.450.601	66.998.657.585

Ghi chú:

- (i) Khoản tiền nhận được từ Grupo De La Electronica Cộng hòa Cuba trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập khác sau khi Công ty đã hạch toán khấu trừ hết phần nợ gốc. Trong 6 tháng đầu năm 2019, Công ty không nhận được khoản thanh toán nào của Grupo De La Electronica Cộng hòa Cuba.

30. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Khấu hao TSCĐ	679.852.902	679.852.902
Chi phí khác	568.148.993	3.170.558
Cộng	1.248.001.895	683.023.460

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	13.446.674.395	18.206.700.296
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(40.966.377.932)	(8.614.574.009)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	43.540.781.600	21.664.357.839
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	43.474.161.646	23.218.214.179
- Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	66.619.954	(1.553.856.340)
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	2.574.403.668	683.023.460
Lãi chênh lệch tỷ giá Cuba	-	12.366.760.370
Khoản thu từ CUBA	-	66.724.112.233
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(27.519.703.537)	76.316.238.520
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	15.263.247.704
Trong đó:		
- Số thuế TNDN từ hoạt động thu lãi từ Cuba	-	13.344.822.447
- Số thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh thông thường	-	1.918.425.257

Ngoài các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được trừ trên, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không còn sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

32. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ

Tại ngày 30/06/2019, Công ty có các khoản lỗ tính thuế có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản lỗ lũy kế	27.519.703.537	-
Lỗ lũy kế được chuyển lỗ trong tương lai	27.519.703.537	-

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến ngày 30/06/2019 phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại ương ứng trên báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ	Thời hạn chuyển lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển	Số lỗ còn được chuyển	Tình trạng
		VND	VND	VND	
2019	2019 - 2024	27.519.703.537	-	27.519.703.537	Chưa được cơ quan thuế kiểm tra quyết toán thuế
Cộng		27.519.703.537	-	27.519.703.537	

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.446.674.395	72.140.916.899
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng BĐH	(1.633.761.452)	(1.471.713.409)
Nộp lợi nhuận tiền thu được từ Cuba về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	(53.379.289.786)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.812.912.943	17.289.913.704
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	192.600.000	192.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	61	90

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác trong kỳ không bao gồm 3.269.740.348 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

- Lãi nhập gốc: 7.167.932.407 VND.
- Chuyển công nợ phải trả thành khoản vay: 2.739.056.000 VND.

Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 6.750.000.000 VND.
- Bù trừ với tiền cổ tức phải thu: 1.836.968.700 VND.
- Bù trừ với công nợ phải thu khách hàng: 108.056.900 VND.

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	329.173.430.066	327.961.467.259
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(70.229.515.484)	(166.411.560.699)
Nợ thuần	258.943.914.582	161.549.906.560
Vốn chủ sở hữu	<u>1.977.802.449.800</u>	<u>1.966.031.601.260</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,13	0,08

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	-Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.229.515.484	166.411.560.699	70.229.515.484	166.411.560.699
Phải thu khách hàng và phải thu khác	308.493.243.836	311.185.831.122	308.493.243.836	311.185.831.122
Phải thu cho vay	3.135.000.000	3.135.000.000	3.135.000.000	3.135.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	129.208.351.048	185.201.053.628	129.208.351.048	185.201.053.628
Cộng	511.066.110.368	665.933.445.449	511.066.110.368	665.933.445.449
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	329.173.430.066	327.961.467.259	329.173.430.066	327.961.467.259
Phải trả người bán và phải trả khác	348.250.247.701	499.381.324.996	348.250.247.701	499.381.324.996
Chi phí phải trả	5.775.656.979	10.142.538.097	5.775.656.979	10.142.538.097
Cộng	683.199.334.746	837.485.330.352	683.199.334.746	837.485.330.352

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Theo đó, Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo giá trị ghi sổ tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ như trình bày tại Mục 3.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá cả của các loại hàng hóa, nguyên liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.229.515.484	-	70.229.515.484
Phải thu khách hàng và phải thu khác	199.862.482.511	108.630.761.325	308.493.243.836
Phải thu cho vay	3.135.000.000	-	3.135.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	129.208.351.048	-	129.208.351.048
Cộng	402.435.349.043	108.630.761.325	511.066.110.368
Số cuối kỳ			
Các khoản vay	136.944.261.146	192.229.168.920	329.173.430.066
Phải trả người bán và phải trả khác	335.288.368.537	12.961.879.164	348.250.247.701
Chi phí phải trả	5.775.656.979	-	5.775.656.979
Cộng	478.008.286.662	205.191.048.084	683.199.334.746
Chênh lệch thanh khoản thuần	(75.572.937.619)	(96.560.286.759)	(172.133.224.378)
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	166.411.560.699	-	166.411.560.699
Phải thu khách hàng và phải thu khác	198.565.069.797	112.620.761.325	311.185.831.122
Phải thu cho vay	3.135.000.000	-	3.135.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	185.201.053.628	-	185.201.053.628
Cộng	553.312.684.124	112.620.761.325	665.933.445.449
Số đầu năm			
Các khoản vay	128.982.298.339	198.979.168.920	327.961.467.259
Phải trả người bán và phải trả khác	498.381.324.996	1.000.000.000	499.381.324.996
Chi phí phải trả	10.142.538.097	-	10.142.538.097
Cộng	637.506.161.432	199.979.168.920	837.485.330.352
Chênh lệch thanh khoản thuần	(84.193.477.308)	(87.358.407.595)	(171.551.884.903)

Ban Lãnh đạo đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp; Ban Lãnh đạo tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DỰ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

- Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo.

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Kỳ này</u>
	VND
Bán hàng	5.217.140.962
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Hanel	86.104.322
Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Hanel	80.859.035
Công ty Cổ phần Hanel Xốp nhựa	1.154.479.629
Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel	287.038.287
Công ty CP Công nghệ thẻ Nacencomm	276.243.822
Công ty CP Đầu tư và Đào tạo Dạy nghề Hanel	81.992.333
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	1.327.086.302
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	187.153.362
Công ty Cổ phần Truyền hình số Miền Bắc	72.889.583
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	956.501.724
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	696.750.000
Công ty CP Nghiên cứu và Phát triển Hanel	10.042.563
Giảm trừ doanh thu	4.106.400
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	4.106.400
Mua hàng	9.675.506.129
Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Hanel	20.145.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khu công nghiệp Hanel	1.398.036.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel	2.442.950.000
Công ty CP Daecha - Khách sạn Hà Nội Daewoo	215.001.425
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	470.023.140
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	85.454.545
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	1.245.025.454
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt (tên cũ:	3.798.870.565
Công ty CP Xây dựng Hanel)	
Lãi vay	3.551.024.465
Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Hanel	17.852.054
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	709.264.943
Công ty TNHH DEHACO	2.823.907.468
Cổ tức, lợi nhuận được chia	43.474.161.646
Công ty CP Daecha - Khách sạn Hà Nội Daewoo	27.000.000.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	850.708.800
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	6.885.900.000
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	1.836.968.700
Công ty CP Công nghệ Thẻ Nacencomm	240.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Hanel	91.800.000
Công ty Cổ phần Hanel Xốp nhựa	4.784.194.400
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	1.784.589.746

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 6, 7, 8, 9, 16, 18, 20 và 21, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.517.346.507	356.910.304
Công ty Cổ phần Hanel Xốp nhựa	544.229.637	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel	58.377.675	59.969.596
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	72.673.748	-
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	265.506.024	190.965.324
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	576.559.423	105.975.384
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	6.075.352.196	6.229.858.315
Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel	325.931.336	331.967.101
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	5.060.580.942	5.156.063.604
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	688.839.918	741.827.610
Dự phòng phải thu khó đòi	19.973.842.619	-
Công ty Cổ phần Điện tử Hưng Phát	148.075.000	-
Công ty Cổ phần Hanel Mobile	7.243.769.925	-
Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel	404.441.384	-
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	9.019.254.643	-
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	23.301.667	-
Công ty TNHH Trung tâm Dữ liệu Hà Nội - CSF	3.135.000.000	-

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1.268.613.734	895.418.422
Cộng	1.268.613.734	895.418.422

37. THÔNG TIN KHÁC

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang thực hiện các thủ tục để ký lại hợp đồng thuê đất khi chuyển sang Công ty cổ phần.

Theo phụ lục trả nợ ký giữa Công ty TNHH MTV Hanel (tên Công ty trước khi cổ phần hóa) và Grupo De La Electronica - Cộng hòa Cuba, Grupo De La Electronica sẽ thanh toán định kỳ hàng tháng cho Công ty gốc, lãi chậm thanh toán và kết thúc vào ngày 31/12/2019. Theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã ghi nhận giảm nợ gốc tương ứng số tiền Công ty thực thu (bao gồm gốc, lãi chậm thanh toán). Đến tháng 2/2018, Công ty đã khấu trừ hết nợ gốc trên sổ kế toán và tiến hành ghi nhận vào doanh thu tài chính (đối với khoản lãi trả cho Ngân hàng Phát triển VDB tương ứng) và thu nhập khác (đối với khoản còn lại). Tuy nhiên, Grupo De La Electronica chưa thanh toán cho Công ty từ đợt thanh toán từ tháng 8/2018 đến tháng 6/2019 với số tiền là 15.497.357,32 USD. Tương ứng Công ty cũng chưa ghi nhận chi phí tài chính lãi phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam cho đợt thanh toán trên. Công ty đang ghi giảm số phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tương ứng với số tiền thực trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam, chi tiết xem Thuyết minh số 20 (iii).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Theo Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ông Nguyễn Quốc Bình - Chủ tịch và Người đại diện pháp luật của Công ty nghỉ hưu từ ngày 01/07/2019. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa thực hiện họp Đại hội đồng cổ đông để thay đổi các nội dung liên quan đến việc miễn nhiệm chức vụ của Ông Nguyễn Quốc Bình trong Công ty. Công ty đang thực hiện các thủ tục với chủ sở hữu Nhà nước để thay đổi người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các chức danh quản lý liên quan trước khi được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

38. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty đang ghi nhận trên sổ sách khoản Công nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G số tiền 102.920.788.809 VND. Công ty chưa ghi nhận một phần khoản lãi chậm thanh toán từ ngày 28/6/2017 đến ngày 30/6/2019 theo nguyên tắc thận trọng nguyên nhân do khoản công nợ phải thu này đã quá hạn thanh toán nhiều năm nhưng chưa thu được tiền và chưa đối chiếu được công nợ với N&G.

Công ty chưa ghi nhận giá trị lợi thế từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện dự án tại 409 Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội nguyên nhân do Công ty chưa được UBND thành phố cho phép tiếp tục thực hiện dự án. Công ty có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính đầy đủ theo quy định và nộp Nhà nước giá trị lợi thế từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh bao gồm khoản tiền 15.000.000.000 VND và các quyền lợi khác (nếu có) khi chính thức thực hiện dự án.

Công ty chưa xác định giá trị lợi thế thu được từ diện tích 1.350 m² tại tầng 1, tầng lửng và diện tích 126 m² của 6 kiot tại Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 Nam Thành Công và văn phòng làm việc, giao dịch của Công ty Điện tử Hà Nội tại số 165 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội do hai bên hợp tác đầu tư có khiếu nại, tranh chấp. Ngày 28/12/2017, Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã có Thông báo số 3192/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án giữa nguyên đơn là Công ty Cổ phần Hanel, bị đơn là Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, người có quyền lợi liên quan là Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Sông Hồng về việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng số 654 ngày 17/11/2005 và Bản cam kết 126/2010/BBTT ngày 02/8/2010.

39. SỰ KIẾN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Theo Thông báo số 815/TB-UBND ngày 12/07/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận đề xuất của Liên ngành về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty và giao các Sở liên quan triển khai thực hiện, phương án cụ thể:

- Cơ sở nhà, đất tại số 409 Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội và số 165 Thái Hà, quận Đống Đa, Hà Nội: do các cơ sở nhà, đất trên đang có tranh chấp, Ủy ban nhân dân thành phố chưa xem xét, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất này. Sau khi cơ quan có thẩm quyền xử lý xong tranh chấp, Công ty Cổ phần Hanel có trách nhiệm thực hiện sắp xếp, xử lý cơ sở nhà, đất này theo quy định của pháp luật.
- Cơ sở nhà, đất tại E1 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội: loại ra khỏi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 24/3/2011 và Quyết định số 5812/QĐ-UBND ngày 30/10/2015. Việc quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất tại E1 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội được thực hiện theo Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội được UBND Thành phố phê duyệt.
- Cơ sở nhà, đất tại Lô 2 - E9 - Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội: không đưa vào phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty. Liên ngành đề nghị UBND thành phố giao Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định giao đất, cho thuê đất đối với ô đất Lô 2, E9 Phạm Hùng, quận Cầu Giấy cho người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được kiểm toán.



Nguyễn Quốc Bình
Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Giai đoạn đến ngày 30/06/2019)
Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2019



Nguyễn Đình Vinh
Tổng Giám đốc

Lữ Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán –
Tài vụ

Trần Thu Loan
Người lập biểu

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319,
Số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa,
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Văn phòng Hồ Chí Minh

Tầng 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-28 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Văn phòng Đồng Nai

79 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

Văn phòng Hải Phòng

Tầng 4, số 19 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Tel: +84-225 353 4655
Fax: +84-225 353 4316
Email: vacohp@vaco.com.vn

Ha Noi Office

12A Floor, 319 Corporation Tower
No. 63 Le Van Luong Street, Trung Hoa Ward,
Cau Giay District, Hanoi City
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Ho Chi Minh Office

6th Floor, HUD Building, No. 159 Dien Bien Phu Street
Ward 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-28 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Dong Nai Office

No. 79 Ha Huy Giap Street, Quyet Thang Ward,
Bien Hoa City, Dong Nai Province
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

Hai Phong Office

4th Floor, No. 19 Dien Bien Phu Street, May To Ward,
Ngo Quyen District, Hai Phong City
Tel: +84-225 353 4655
Fax: +84-225 353 4316
Email: vacohp@vaco.com.vn